|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN GIÁM SÁT**  **TÀI CHÍNH QUỐC GIA**  Số: /BC-UBGSTCQG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2016* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

*(Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 5/2016)*

* ***Kinh tế thế giới***
* *Kinh tế Mỹ và Nhật phục hồi tích cực hơn, trong khi những nền kinh tế lớn khác vẫn trong xu hường hồi phục chậm chạp từ đầu năm*
* *Giá dầu trên thị trường quốc tế tiếp tục có những chuyển biến phục hồi; Giá hàng hóa đồng loạt tăng trong tháng 4/2016, song nhìn chung giá hàng hóa 4 tháng đầu năm vẫn đang giảm so với cùng kỳ.*
* ***Kinh tế Việt Nam***
* *Cung và cầu của nền kinh tế vẫn có mức cải thiện thấp hơn so với cùng kỳ, song vẫn giữ được gia tốc ổn định*
* *Mặc dù lạm phát có xu hướng tăng nhưng lạm phát cơ bản vẫn duy trì ổn định ở mức dưới 2% từ đầu năm.*
* *Thu NSNN đạt thấp do giá dầu giảm, song thu từ dầu thô sẽ được cải thiện trong thời gian tới do giá dầu thế giới đang dần hồi phục*
* *Thanh khoản của hệ thống ngân hàng trong tháng 5 khá dồi dào, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng giảm mạnh, nhờ đó, huy động vốn TPCP tăng mạnh. Thị trường cổ phiếu cũng tiếp tục diễn biến tích cực trong tháng 5.*

1. **KINH TẾ THẾ GIỚI**
2. **Chính sách kinh tế:**

***Mỹ***, ***triển vọng tăng lãi suất vào tháng 6 của FED tăng lên, tuy nhiên nhiều khả năng lãi suất sẽ chỉ tăng 1 lần trong năm 2016 (vào tháng 9).*** Kinh tế Mỹ chuyển biến tích cực trong tháng 4 khi sản lượng công nghiệp của Mỹ tăng 0,7% so với tháng trước, số nhà xây dựng mới trong 12 tháng tính tới tháng 4/2016 tăng 6,6% lên 1,17 triệu căn. Với những tín hiệu khả quan đó, khả năng Fed tăng lãi suất trong tháng 6 đã tăng từ 5% lên 34%. Tuy nhiên, tháng 9 có khả năng cao nhất với 57%.

***Nguy cơ từ việc Anh (có thể) rời khỏi Liên minh Châu Âu (Brexit) có*** ***khả năng gây thiệt hại tới kinh tế khu vực EU và nền kinh tế toàn cầu*** do biến động thị trường tài chính, tác động đến đầu tư. Tác động của Brexit sẽ kéo theo hàng loạt chính sách, thỏa thuận thương mại giữa Anh và EU sẽ phải thay đổi. Kinh tế nước Anh cũng có nguy cơ tăng trưởng yếu, sụt giảm đầu tư nước ngoài những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như bất động sản, thương mại và tài chính….

***Châu Âu***, ***ngày 3/5 vừa qua EC đã hạ dự báo tăng trưởng của Eurozone***, đồng thời cảnh báo rủi ro toàn cầu bao gồm việc kinh tế Trung Quốc giảm tốc và nguy cơ nước Anh rời khỏi EC đang làm ảnh hưởng đến sự hồi phục kinh tế. Theo đó, EC đã hạ dự báo tăng trưởng của Eurozone trong năm 2016 xuống 1,6% từ mức 1,7% đưa ra trước đó. EC cũng giảm dự báo lạm phát của Eurozone xuống 0.2% trong năm nay và 1,4% trong năm tới do khu vực này vẫn đang phải đối phó với các thách thức trong cuộc khủng hoảng tại Hy Lạp.

***Trung Quốc***, ***nền kinh tế tiếp tục đối mặt với sự suy giảm tăng trưởng***. Xuất khẩu trong tháng 4 đột ngột giảm 1,8% so với cùng kỳ, trái ngược với mức tăng 11,5% trong tháng 3. Chỉ số PMI cũng giảm 0.3 điểm so với tháng trước (49,4 điểm) do đơn đặt hàng mới đình trệ và các đơn hàng xuất khẩu giảm tháng thứ 5 liên tiếp.

1. **Chính sách tiền tệ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nhiều NHTW trên thế giới tiếp tục giữ nguyên chính sách lãi suất thấp*** ***hoặc âm*** (Anh, Brazin, Nhật Bản, New Zealand) nhằm tiếp tục hỗ trợ nền kinh tế trong bối cảnh khó khăn toàn cầu. Đặc biệt NHTW Úc đã quyết định hạ lãi suất cơ bản xuống mức thấp kỉ lục 1,75%. Tại Nhật, dù kinh tế quý I/2016 đạt mức tăng trưởng mạnh 1,7%, nhưng việc đồng Yên vẫn ở mức cao so với đô la Mỹ đã dẫn đến những tác động tiêu cực lên khu vực xuất khẩu, gây khó khăn cho quá trình phục hồi kinh tế. Nhiều khả năng BOJ sẽ tiếp tục chính sách lãi suất âm của mình và thị trường kì vọng Thủ tướng Shinzo Abe sẽ công bố gói kích thích tài chính mới, một phần của chương trình “Abenomics 2.0”. | **Thay đổi tỷ giá của một số đồng tiền/USD**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **So với**  **01/01/2016** | **So với**  **01/05/2016** | | Euro | -3.26%[[1]](#footnote-1) | 2.30% | | Nhân dân Tệ | 0.92% | 1.24% | | Yên Nhật | -9.17% | 2.83% | | Dollar Singapore | -2.82% | 2.99% | | Won Hàn Quốc | 1.36% | 4.75% | | Dollar Taiwan | -1.36% | 1.33% | | Bath Thái | -1.02% | 2.61% | | Rupee Ấn Độ | 2.23% | 2.06% | | Ringgit Malaysia | -3.96% | 5.37% | | Rupiad Indonesia | -1.72% | 3.76% |   *Nguồn: Reuters* |

1. **Thị trường tài chính quốc tế**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Sau 3 tháng phục hồi nhờ chính sách nới lỏng tiền tệ của các NHTW, thị trường chứng khoán toàn cầu có dấu hiệu điều chỉnh giảm.*** Tính đến ngày 23/05/2016, hầu như tất cả các chỉ số chứng khoán lớn như Dow Jones, NASDAQ và S&P 500 của Mỹ, FTSE 100 (Anh), DAX (Đức) và CAC (Pháp) đều giảm điểm so với cuối tháng trước. Duy chỉ có thị trường chứng khoán Nhật Bản tăng điểm nhờ vào GDP quý I bất ngờ tăng mạnh. | **Một số chỉ số chứng khoán trên thế giới**  *Nguồn:**Reuters* |

1. **Giá hàng hóa**

***Giá dầu*** trên thị trường quốc tế tiếp tục có những chuyển biến phục hồi. Tính đến 23/05/2016, giá dầu trên thị trường New York đã tăng 7,4% so với cuối tháng 4/2016 và 30,8% so với đầu năm 2016.

***Giá hàng hóa*** đồng loạt tăng trong tháng 4/2016. Duy trì đà tăng mạnh nhất vẫn là giá năng lượng (tăng 8.08%); kế đến lần lượt là nguyên liệu thô (tăng 3.33%); lương thực (2,9%); nông sản (2,74%); giá kim loại sau 2 tháng giảm đã tăng trở lại và tăng ở mức 1,36% so với tháng trước. Dù vậy, nhìn chung giá hàng hóa 4 tháng đầu năm vẫn đang giảm so với cùng kỳ.

**Giá một số mặt hàng chủ chốt**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năng lượng** | | **Nông sản** | | **Lương thực** | | **Nguyên liệu thô** | | **Kim loại** | |
| Tốc độ tăng, giảm % | | | | | | | | | |
| So với tháng trước | So với cùng kỳ | So với tháng trước | So với cùng kỳ | So với tháng trước | So với cùng kỳ | So với tháng trước | So với cùng kỳ | So với tháng trước | So với cùng kỳ |
| **T1/2016** | -15,34 | -35,78 | -2,20 | -11,81 | -0,94 | -13,90 | -2,19 | -6,07 | -2,04 | -25,18 |
| **T2/2016** | 1,83 | -41,46 | 1,08 | -9,60 | 1,61 | -10,44 | 1,03 | -6,85 | 4,47 | -20,30 |
| **T3/2016** | 14,86 | -30,63 | 2,20 | -4,95 | 2,12 | -6,05 | 1,24 | -4,14 | 6,01 | -14,77 |
| **T4/2016** | 8,09 | -29,10 | 2,74 | -2,05 | 2,91 | -2,33 | 3,33 | -1,05 | 1,36 | -14,01 |

*Nguồn: World Bank*

**I. KINH TẾ VIỆT NAM**

**1. Cung và cầu của nền kinh tế vẫn có mức cải thiện thấp hơn so với cùng kỳ, song vẫn giữ được gia tốc ổn định.** Biểu hiện**:**

* ***Ngược lại với xu hướng năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng/2016 đang duy trì được tốc độ tăng dần đều***

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 5 tháng đầu năm 2016 chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,5% so với cùng kỳ, mặc dù thấp hơn mức tăng 9,2% của cùng kỳ 2015, nhưng đã có sự cải thiện so với 4 tháng đầu năm (4 tháng đầu năm 2016 tăng 7,3%). Trong năm 2015, tốc độ tăng IIP của 5 tháng thấp hơn 4 tháng đầu năm. 2. Trong khi IIP của công nghiệp chế biến, chế tạo 5 tháng vẫn tăng 9,7% (xấp xỉ mức 9,9% của cùng kỳ 2015) thì việc IIP 5 tháng tăng chậm hơn cùng kỳ 2015 chủ yếu do khai khoáng giảm 1,2% (cùng kỳ 2015 tăng 6,3%). Trong khai khoáng, khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 2,4% (cùng kỳ 2015 tăng 5,8%). 3. Tham khảo chỉ số PMI cho thấy chỉ số này trong tháng 4/2016 đã có mức tăng cao nhất trong 3 quý gần đây (52,3 điểm). Điều này cho thấy các điều kiện kinh doanh có dấu hiệu sẽ được cải thiện tốt dần lên trong thời gian tới. | **Chỉ số IIP các tháng đầu năm 2015 và 2016 (%, so cùng kỳ)**  *Nguồn: TCTK*  **Chỉ số PMI tháng 1/15-T4/16 (điểm)**    *Nguồn : HSC* |

* ***Tổng cầu cũng duy trì được xu hướng tăng khá tích cực***

|  |  |
| --- | --- |
| (i) Tương tự như xu hướng tăng IIP, tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (loại trừ yếu tố giá) 5 tháng đầu năm (tăng 7,8% so với cùng kỳ) cũng tiếp tục giữ được gia tốc (4T/2016 tăng 7,5%). Vì vậy, dù tốc độ tăng thấp hơn năm trước nhưng tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đang duy trì được xu hướng tăng khá tích cực, trong khi 5 tháng đầu năm 2015 có xu hướng giảm dần.  (ii) Tuy nhiên, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa vẫn chưa nhiều cải thiện. Cụ thể: trong 5 tháng đầu năm 2016, kim ngạch XK tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước (4 tháng/2016 tăng 6% so với cùng kỳ năm trước; 5 tháng/2015 tăng 7,3%); kim ngạch NK giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước (4 tháng/2016 giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước; 5 tháng/2015 tăng 15,8%). Theo tính toán của UBGSTCQG, tổng kim ngạch NK trong 5 tháng đầu năm 2015 giảm chủ yếu do giá nhập khẩu giảm. Tính chung 5 tháng/2016, Việt Nam xuất siêu 1,36 tỷ USD (cùng kỳ năm 2015 nhập siêu gần 3 tỷ USD).  Tính toán chỉ số dẫn báo tổng hợp (LEI) của UBGSTCQG và các chỉ số thành phần cho thấy: mặc dù ***chỉ số dẫn báo nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép*** duy trì được xu hướng tăng tháng thứ 4 liên tiếp có xu hướng tăng nhẹ trong các tháng qua do các đơn đặt hàng xuất khẩu tăng,tuy nhiên, ***chỉ số dẫn báo nhập khẩu máy móc thiết bị*** tháng 4/2016 (98 điểm) có tháng giảm thứ 7 liên tiếp là dấu hiệu cho thấy lĩnh vực sản xuất công nghiệp của nền kinh tế khó tăng mạnh trong những tháng tới. | **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ các tháng đầu năm 2015 và 2016 loại trừ yếu tố giá (%, so cùng kỳ)**  *Nguồn: TCTK*  **Giá trị xuất – nhập khẩu hàng hóa của các khu vực kinh tế 5 tháng đầu năm 2016 (tỷ USD)**    *Nguồn: TCTK*  **Chỉ số nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép[[2]](#footnote-2)**  *Nguồn: UBGSTCQG*  **Chỉ số nhập khẩu máy móc thiết bị**  *Nguồn: UBGSTCQG* |

1. ***Lạm phát tổng thể và lạm phát cơ bản tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 5***

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) T5/2016 tăng 0,54% so với tháng trước, tăng 2,28% so với cùng kỳ và tăng 1,88% so với đầu năm. Nguyên nhân CPI tháng 5 tăng chủ yếu do tăng giá các nhóm hàng: giao thông (2,39%); nhà ở, vật liệu xây dựng (0,88%); lương thực (0,68%).  Như vậy lạm phát tiếp tục xu hướng tăng từ tháng 11/2015. Tuy nhiên, chủ yếu do xu hướng tăng giá lương thực, thực phẩm và điều chỉnh giá dịch vụ y tế. Tăng giá lương thực, thực phẩm là do hạn hán, thiên thai tác động đến sản xuất nông nghiệp. Do đó, lạm phát cơ bản (chỉ tiêu phản ánh sát hơn ổn định kinh tế vĩ mô) vẫn duy trì ổn định ở mức dưới 2% từ đầu năm đến nay. | **Lạm phát và lạm phát cơ bản (%, tháng so với cùng kỳ)**    *Nguồn: TCTK* |

**Lạm phát tổng thể T5/2007-T5/2016**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2007** | **2008** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** |
| **CPI tháng 5 so tháng trước** | 0,8 | 3,91 | 0,44 | 0,27 | 2,21 | 0,18 | -0,06 | 0,2 | 0,16 | 0,54 |
| **CPI tháng 5 so cùng kỳ** | 7,31 | 25,2 | 5,38 | 9,05 | 19,78 | 8,34 | 6,36 | 4,72 | 0,95 | 2,28 |

*Nguồn: TCTK*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Theo thống kê đến tháng 5/2016, trong các nhóm hàng đóng góp vào sự gia tăng của lạm phát: lương thực đã có 4 lần tăng; thực phẩm tăng mạnh vào tháng 2/2016, giảm nhẹ vào tháng 3/2016 và tiếp tục tăng nhẹ trong tháng 5/2016; giáo dục tăng 2 lần; giao thông tăng 2 lần, giảm 3 lần; nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng và nhóm y tế tăng 1 lần, trong đó nhóm y tế tăng rất mạnh vào tháng 3/2016 (tăng 24,34% so với tháng trước và tăng 26,44% so với tháng 3/2015). | **Thay đổi giá các nhóm hàng chính kể từ đầu năm**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **T1** | **T2** | **T3** | **T4** | **T5** | | **CPI (% so với tháng trước)** | 0,25 | 0,42 | 0,57 | 0,33 | 0,54 | | **Giao thông** | - | - | - |  |  | | **Y tế** | - | - |  | - | - | | **Giáo dục** |  | - | - |  | - | | **Nhà ở, VLXD** | - | - | - | - | - | | **Lương thực** |  |  | - |  |  | | **Thực phẩm** | - |  |  | - |  |   *Nguồn: TCTK* |

1. **Thu NSNN đạt thấp do giá dầu giảm, song thu từ dầu sẽ được cải thiện trong thời gian tới**

|  |  |
| --- | --- |
| - Thu NSNN trong 5 tháng đầu năm đạt 39,1% so với dự toán và tăng 4,5% so với cùng kỳ, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2014 (năm 2015 tăng 7,9%; năm 2014 tăng 16,9%). Thu NSNN tăng do được hỗ trợ từ thu nội địa (tăng 11,9%) nhưng tiến độ vẫn chậm do thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt thấp (giảm 3,3%) và giảm thu từ dầu thô (giảm 48,1%). Song thu từ dầu thô sẽ được cải thiện trong thời gian tới do giá dầu đang có dấu hiệu tăng khá mạnh[[3]](#footnote-3).  Thu từ khu vực DNNN[[4]](#footnote-4) chỉ đạt 28,8% dự toán, giảm 16,4% so cùng kỳ 2015 do: (i) giá dầu giảm, (ii) thu từ cổ tức và lợi nhận còn lại đạt thấp, (iii) chưa thu bổ sung tiền bán cổ phần sở hữu nhà nước tại một số doanh nghiệp.  - Tổng chi NSNN đạt 466,3 nghìn tỷ đồng, bằng 36,6% dự toán, tăng 4,7% so cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân vốn còn chậm, cụ thể: tiến độ giải ngân vốn xây dựng cơ bản chỉ đạt 26,6% dự toán (thấp hơn so với 35,1% cùng kỳ 2015), tiến độ thực hiện vốn trái phiếu chính phủ chỉ đạt 21% (so với 27,8% cùng kỳ năm trước). | **Thu NSNN lũy kế đến tháng 5, %**  *Nguồn: BTC, UBGSTCQG tổng hợp*  **Chi NSNN lũy kế đến tháng 5, %**  *Nguồn: BTC, UBGSTCQG tổng hợp* |

1. **THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH** **– TIỀN TỆ**

**1. Thị trường tiền tệ - ngân hàng**

***Thanh khoản của hệ thống ngân hàng tháng 5/2016 khá dồi dào***, biểu hiện: (i) Tính đến 23/5/2016, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng trong tháng 5 giảm mạnh so với tháng trước. Đặc biệt từ 15-23/5/2016, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng đã xuống mức thấp kỉ lục trong vòng 3 năm qua (lãi suất ON ngày 23/5 chỉ còn 0,82%, lãi suất 1 tháng ở mức 3%); (ii) NHNN hút ròng trên thị trường mở 4 tuần liên tiếp từ 25/4 đến 19/5.

|  |  |
| --- | --- |
| **Khối lượng bơm (hút) ròng của NHNN**  **trên thị trường mở 2016, tỷ đồng**    *Nguồn: HSC* | **Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, %**    *Nguồn: HSC* |

Nguyên nhân hệ thống ngân hàng có thanh khoản khá tốt trong thời gian qua là do nguồn cung ổn định, huy động tăng cao trong khi tín dụng tăng ở mức tương đương so với cùng kỳ[[5]](#footnote-5).

Trên thị trường 1, mặt bằng lãi suất huy động ổn định so với tháng trước. Sau hội nghị Thủ tướng với các doanh nghiệp, lãi suất cho vay đã được phát tín hiệu giảm tại một số NHTM. Dù vậy, thông thường thì mặt bằng lãi suất cho vay vẫn chưa thể thay đổi ngay trong tháng. Thị trường đang kỳ vọng về khả năng giảm nhẹ lãi suất cho vay trong thời gian tới. Tuy nhiên, áp lực lên mặt bằng lãi suất trong thời gian tới vẫn đáng kể do: (i) nhu cầu tín dụng tăng cao vào các quý cuối năm[[6]](#footnote-6).; (ii) kỳ vọng lạm phát và áp lực tỷ giá lớn hơn vào cuối năm sẽ gây áp lực đáng kể lên lãi suất.

**2. Thị trường ngoại hối**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tỷ giá VND/USD tại các NHTM và tỷ giá tự do vẫn được giữ ổn định*** trong biên độ trên của tỷ giá trung tâm (22.290–22.320 VND/USD). Tính đến 20/05/2016, tỷ giá trung tâm có điều chỉnh tăng nhẹ 0,4% so với đầu tháng 5 nhưng chỉ tăng 0,1% so với đầu năm.  Chỉ số CDS và tỷ giá kỳ hạn NDF đều có xu hướng giảm nhẹ cho thấy kỳ vọng vào tỷ giá hiện đang khá ổn định. Thị trường ngoại hối ổn định, nguồn cung ngoại tệ dồi dào (cán cân thương mại thặng dư, FDI tăng khá) đã tạo điều kiện giúp NHNN mua được một lượng lớn dự trữ ngoại tệ. | **Tỷ giá USD/VND**  *Nguồn: HSC* |

Dù vậy, việc duy trì ổn định tỷ giá sẽ mạnh hơn trong 2 quý cuối năm sẽ khó khăn hơn do: (i) nhu cầu nhập khẩu tăng; (ii) khả năng tăng lãi suất của FED rõ ràng hơn; (iii) những bất ổn và rủi ro đến từ nền kinh tế Trung Quốc khiến đồng NDT liên tục mất giá.

**3. Thị trường cổ phiếu – trái phiếu**

**3.1** **Thị trường cổ phiếu**

Thị trường cổ phiếu tiếp tục diễn biến tích cực. Chỉ số VNIndex tới ngày 26/5/2016 đạt 604,3 điểm tăng 0,9% so với đầu tháng 5. Chỉ số HNX Index đạt 81,3 điểm, tăng 0,45%.

|  |  |
| --- | --- |
| Tổng giá trị vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt 1 triệu 471 nghìn tỷ đồng (66 tỷ USD) tương đương với 37,3% GDP, tăng 8,1% so với cuối năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu do có thêm 43 mã cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom từ đầu năm 2016 và giá cổ phiểu vốn hóa lớn tại HSX tăng. | **Mua/bán ròng của khối ngoại trên thị trường chứng khoán theo tháng**    *Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp* |

Sự phục hồi của thị trường cổ phiếu do các yếu tố cơ bản được cải thiện như: (i) giá dầu tăng lên xấp xỉ 50 USD/thùng (hệ số tương quan giữa chỉ số VN Index và giá dầu WTI từ đầu năm 2016 đạt 0,92); (ii) Nghị quyết số 19 và Nghị quyết số 35 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp được chính thức thông qua và triển vọng cải thiện quan hệ ngoại giao, kinh tế Việt – Mỹ; (ii) Khối đầu tư nước ngoài mua ròng trở lại 559 tỷ đồng cổ phiếu niêm yết từ đầu tháng 5. Tuy nhiên cần chú ý tác động của việc Fed có thể quyết định tăng lãi suất trong tháng 6 hoặc tháng 7 tới thị trường cổ phiếu.

**3.2 Thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP)**

Nhu cầu đầu tư trái phiếu Chính phủ (TPCP) đang tăng lên, biểu hiện: vốn huy động thông qua đấu thầu TPCP trong tháng 5 tăng 51% so với tháng 4 và giá trị giao dịch bình quân phiên trong tháng 5 (đến ngày 26/5/2016) tăng 81% so với tháng 4, lãi suất kỳ hạn từ 5 năm trở xuống giảm từ 0,14 đến 0,22 điểm % so với tháng 4. Nguyên nhân chính do: (i) thanh khoản các ngân hàng cải thiện, lãi suất cho vay qua đêm giảm mạnh; (ii) nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh đầu tư TPCP, lũy kế từ đầu năm đến 26/5, khối ngoại mua ròng 9.456 tỷ đồng TPCP.

**ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA**

1. *(-): đồng tiền đang tăng giá; (+): đồng tiền đang giảm giá* [↑](#footnote-ref-1)
2. 100 = khả năng sản xuất dài hạn [↑](#footnote-ref-2)
3. Giá dầu thô trên thị trường thế giới đã tăng đáng kể, lên mức 47,9 USD/thùng (dầu WTI, ngày 24/5), tăng 30% so với đầu năm. Nhờ đó, so với tháng 4, giá dầu thanh toán của Việt Nam trong tháng 5 đã tăng 3 USD lên mức 42 USD/thùng nên thu từ dầu thô cũng cao hơn 450 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nếu loại trừ thu từ khu vực DNNN, thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn đạt khá so với cùng kỳ do được hỗ trợ từ khu vực doanh nghiệp FDI (tăng 14%) và khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh (tăng 24,3%). [↑](#footnote-ref-4)
5. Theo NHNN, tính đến 20/4/2016, huy động tăng 4,01% so với cuối năm 2015 (cùng kỳ năm 2015 tăng 1,67%). [↑](#footnote-ref-5)
6. Tính đến cuối tháng 4/2016, tín dụng mới tăng khoảng 4%, như vậy trong hai quý cuối của năm, tốc độ tăng tín dụng cần đạt khoảng 10%-13% mới đạt mục tiêu đề ra. Đây là mức tăng khá cao so với cùng kỳ các năm trước, tương đương với mức tăng tín dụng cả năm của một số năm gần đây [↑](#footnote-ref-6)